TÒA ÁN NHÂN DÂN Q.HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số:26/2023/KDTM-ST
Ngày: 22/8/2023
V/v "*Tranh chấp hợp đồng lắp đặt thang máy"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Minh Cúc
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Đặng Công Tâm
  Ông Phạm Công Lương.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Quỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số : 78/2022/TLST-KDTM ngày 22 tháng 11 năm 2022 về "*Tranh chấp hợp đồng lắp đặt thang máy*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2023/QĐXXST-KDTM ngày 15/7/2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* **Công ty TNHH Kỹ nghệ T**. Trụ sở: Số nhà A đường B phường C quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hoàng Quốc T** - Chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị H – Chức vụ: Nhân viên. Địa chỉ: nhà A1 đường B1 phường C1 quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Giấy uỷ quyền số 03.2022-TTE/GUQ-TA ngày 25/8/2022 của Giám đốc công ty. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.
- *Bị đơn:* **Công ty Cổ phần Tổng Công ty V(**Tên cũ: Công ty cổ phần V). Trụ sở: nhà A2 đường B2 phường C2 quận D2, thành phố Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật: Bà **Phạm Thị Tường V1** - Chức vụ: Giám đốc. Bà V1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn xin xét xử vắng mặt đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Theo Hợp đồng cung cấp – lắp đặt số 044/2018/HĐKT-CCLĐ ký ngày 28/05/2018, Công ty T sẽ cung cấp, lắp đặt trọn gói 06 thang máy tải khách nhãn hiệu Mitsubishi cho dự án "Tòa nhà điều hành viễn thông Mobifone Đà Nẵng – Lô A1.1, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng". Tổng giá trị hợp đồng là: 11.491.350.000 đồng (*Mười một tỉ, bốn trăm chín mươi mốt triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng).*

Về phía Công ty V sẽ thanh toán cho Công ty T chia làm 4 đợt; Cụ thể: đợt 1 tạm ứng 5.300.000.000 đồng, đợt 02 thanh toán 3.535.000.000 đồng, đợt 03 thanh toán 1.765.000.000 đồng và đợt 04 thanh toán số tiền còn lại là: 891.350.000 đồng.

1. Về phần thực hiện hợp đồng:

Công ty T đã hoàn tất việc cung cấp, lắp đặt hệ thống thang máy cho công trình trên. Có biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình để đưa vào sử dụng ngày 23/09/2020. Đồng thời, Công ty T cũng đã xuất hóa đơn GTGT số 0000035 ngày 22/10/2018 số tiền: 8.835.000.000 đồng và hóa đơn GTGT số 0000326 ngày 26/11/2020 số tiền: 2.621.429.100 đồng (sau khi đã giảm trừ chi phí lát sàn đá cho 06 thang là: 34.920.900 đồng theo công văn số: 01/CV-TTE ngày 16/11/2020). Hiện tại, hệ thống thiết bị 06 (sáu) thang máy nói trên cũng đã hết hạn thời gian bảo hành. Công ty T nộp cho Tòa án biên bản nghiệm thu hoàn thành, thời gian bảo hành Thang máy ngày 15/07/2022.

Về phía Công ty V mới chỉ thanh toán cho Công ty T số tiền cụ thể như sau:

Stt	Ngày thanh toán	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	06/06/2018	3.000.000.000	Giấy báo có Ngân hàng MaritimeBank
2	08/06/2018	2.300.000.000	Giấy báo có Ngân hàng MaritimeBank
3	27/11/2018	3.535.000.000	Giấy báo có Ngân hàng TPBank
Tổng cộng		8.835.000.000	

Như vậy, tổng số tiền Công ty V đã thanh toán cho Công ty T là: 8.835.000.000 đồng (*Tám tỉ, tám trăm ba mươi lăm triệu đồng*). Do đó, Công ty V còn nợ lại

Công ty T số tiền là: 2.621.429.100 đồng (*Hai tỉ, sáu trăm hai mươi mốt triệu, bốn trăm hai mươi chín ngàn, một trăm đồng*) sau khi giảm trừ chi phí sàn đá của 06 (sáu) thang với số tiền là: 34.920.900 đồng (*Ba mươi bốn triệu, chín trăm hai mươi ngàn, chín trăm đồng)*. Công ty T đã gửi Biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/01/2021 và ngày 07/06/2022 và Công ty V đã xác nhận còn nợ Công ty T số tiền: 2.621.429.100 đồng *(Hai tỉ, sáu trăm hai mươi mốt triệu, bốn trăm hai mươi chín ngàn, một trăm đồng).*

Công ty chúng tôi đã nhiều lần yêu cầu Công ty V thanh toán nhưng Công ty V vẫn cố tình lẩn tránh, không thanh toán hết công nợ cho Công ty chúng tôi.

Với số tiền Công ty V hiện đang chiếm dụng đã gây thiệt hại cho Công ty TNHH Kỹ Nghệ T về phần lãi suất tính từ ngày thứ 30 kể từ ngày xuất hóa đơn giá trị gia tăng lần 2 (26/11/2020) là ngày 27/12/2020 tạm tính đến ngày 25/08/2022 là: 390.792.165 đồng (*Ba trăm chín mươi triệu, bảy trăm chín mươi hai ngàn, một trăm sáu mươi lăm đồng).*

Nay, Công ty TNHH Kỹ Nghệ T làm đơn này yêu cầu Công ty Cổ phần Tổng Công ty Vphải trả tổng số tiền là: 3.012.221.265 đồng *(Ba tỉ, không trăm mười hai triệu, hai trăm hai mươi mốt ngàn, hai trăm sáu mươi lăm đồng*); Bao gồm tiền nợ gốc là 2.621.429.100 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính là: 390.792.165 đồng.

Trong thời gian chờ Quý Tòa triệu tập hòa giải, phía Công ty V có thanh toán cho Công ty T thêm số tiền: 529.909.448 đồng (*Năm trăm hai mười chín triệu, chín trăm lẻ chín ngàn, bốn trăm bốn mươi tám đồng*) vào ngày 06/01/2023 và số tiền: 569.637.790 đồng *(Năm trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm ba mươi bảy ngàn, bảy trăm chín mươi đồng*) vào ngày 01/03/2023 (Đính kèm Giấy báo có). Do đó, tính đến hiện tại số tiền nợ gốc mà Công ty V còn nợ lại là: 1.521.881.862 đồng (*Một tỉ, năm trăm hai mươi mốt triệu, tám trăm tám mươi mốt ngàn, tám trăm sáu mươi hai đồng*).

Như vậy, Công ty T yêu cầu Công ty V phải trả tổng số tiền là: 2.082.346.895 VNĐ (*Hai tỉ, không trăm tám mươi hai triệu, ba trăm bốn mươi sáu ngàn, tám trăm chín mươi lăm đồng*), trong đó bao gồm tiền nợ gốc là: 1.521.881.862 đồng

(Có biên bản đối chiếu công nợ ngày 08/03/2023) và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 27/12/2020 đến ngày 01/08/2023 tạm tính là: 560.465.033 đồng. Công ty T xin đính kèm lại Bảng tính lãi đến ngày 01/08/2023.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn để cung cấp bản khai và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn Công ty Vvắng mặt và không có lý do gì về việc vắng mặt nên không có bản khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, phát biểu:

Đối với thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 BLTTDS năm 2015. Đối với bị đơn Công ty Vvắng mặt tại Tòa án trong các phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và không có văn bản trình bày ý kiến là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Đối với nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn và các quy định của pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty Vphải thanh toán số tổng số tiền nợ gốc và lãi chậm thanh toán tính đến ngày 01/8/2023 là 2.082.346.895 đồng. Công ty Công ty Vtiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 02/8/2023 cho đến khi tất toán khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về các vấn đề của vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa hai Công ty với nhau và đều vì mục đích lợi nhuận, trụ sở của bị đơn đóng tại quận Hải Châu. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hải Châu thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền;

[2] Về nội dung vụ án, căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện: Ngày 28/5/2018, Công ty CP Tổng Công ty V(tên cũ là Công ty Cp V) và Công ty Kỹ Nghệ T có ký Hợp đồng cung cấp – lắp đặt số 044/2018/HĐKT-CCLĐ. Nội dung hợp đồng, Công ty T sẽ cung cấp, lắp đặt trọn gói 06 thang máy tải khách nhãn hiệu Mitshubishi cho dự án Tòa nhà viễn thông Mobifone Đà Nẵng – Lô Al.1, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Tổng giá trị hợp đồng là: 11.491.350.000 đồng. Tổng số tiền thanh toán cho Hợp đồng sẽ được Công ty Vthanh toán làm 4 đợt: đợt 1 tạm ứng 5.300.000.000 đồng, đợt 2 thanh toán 3.535.000.000 đồng, đợt 3 thanh toán 1.765.000.000 đồng, đợt 4 thanh toan số tiền còn lại là 891.350.000 đồng.

Công ty T đã hoàn tất việc cung cấp, lắp đặt hệ thống thang máy cho công trình. Hai bên đã có biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình để đưa vào sử dụng ngày 23/9/2020. Đồng thời, Công ty T cũng đã xuất hóa đơn ngày 22/10/2018 là 8.835.000.000 đồng và hóa đơn ngày 26/11/2020 là 2.621.429.100 đồng (sau khi trừ chi phí lát sàn đá cho 06 tháng là VIEN34.920.900 đồng). Hiện tại, hệ thống thiết bị 06 thang máy nói trên cũng đã hết hạn thời gian bảo hành.

Tổng số tiền Công ty Vđã thanh toán cho Công ty T là 8.835.000.000 đồng. Do đó, Công ty Vcòn nợ lại số tiền 2.621.429.100 đồng. Cả hai bên đã có biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/01/2021 và ngày 07/6/2022, ngày 08/3/2023 Công ty Vxác nhận còn nợ số tiền 1.521.881.862 đồng.

Mặc dù Công ty T đã yêu cầu thanh toán nợ nhiều lần nhưng đến nay Công ty Vvẫn không thực hiện. Nay Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty Vphải thanh toán các khoản tiền tạm tính đến ngày 08/3/2023 theo Biên bản chốt công nợ cùng ngày cụ thể như sau:

- Tiền nợ gốc còn lại của Hợp đồng: 1.521.881.862 đồng
- Tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày thứ 30 sau ngày xuất hóa đơn giá trị gia tăng lần 02 ngày 26/11/2020 là ngày 27/12/2020 tạm tính đến ngày 01/8/2023 (sau khi đã trừ đi số tiền thanh toán thêm trong quá trình giải quyết vụ án) với lãi suất 9%/năm là 560.465.033 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi còn lại phải thanh toán tính đến ngày 01/8/2023 là 2.082.346.895 đồng. Công ty Vtiếp tục phải chịu lãi sau ngày 01/8/2023.

Bị đơn Công ty Vtrong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng không đến Tòa tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn Công ty Vvẫn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Công ty T, cụ thể đã trả thêm cho Công ty T số tiền 529.909.448 đồng vào ngày 06/01/2023 và số tiền

569.637.790 đồng vào ngày 01/3/2023 cho thấy phía Công ty Vđã thừa nhận về việc còn chậm nghĩa vụ thanh toán nợ đối với Công ty T.

HĐXX xét thấy, hợp đồng cung cấp lặt đặt số 044/2018 ngày 28/5/2018 được ký kết giữa các bên là tự nguyện, các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng là hợp pháp, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng nên ràng buộc các bên tham gia ký kết phải thực hiện nghĩa vụ đã cam kết. Công ty T đã thực hiện xong công việc lắp đặt thang máy tuy nhiên Công ty Vchưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán tiền theo Biên bản chốt nợ ngày 08/3/2023, theo đó có cơ sở xác định Công ty Vđã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Điều 50,V Luật thương mại, Điều 357 BLDS cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T, buộc Công ty Vphải thanh toán số tiền nợ của Hợp đồng còn lại là 1.521.881.862 đồng cho Công ty T.

Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Đối với tiền lãi chậm trả phía nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất cơ bản là 9%/năm với tổng số tiền nợ mà Công ty Vchưa thanh toán tính từ ngày thứ 30 sau ngày xuất hóa đơn giá trị gia tăng lần 02 ngày 26/11/2020 là ngày 27/12/2020 tạm tính đến ngày 01/8/2023 (sau khi đã trừ đi số tiền thanh toán thêm 02 đợt vào ngày 06/01/2023 và ngày 01/3/2023) là 560.465.033 đồng. HĐXX nhận thấy mức yêu cầu lãi suất 9%/năm là mức yêu cầu lãi suất quá hạn cơ bản theo quy định Ngân hàng nhà nước Việt Nam, đồng thời cũng không vượt mức quy định về lãi suất quá hạn 150% của lãi suất trong hạn theo quy định tại Điều 468 BLDS. Đồng thời, bị đơn cũng không có ý kiến đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn nên áp dụng Điều 306 Luật thương mại có cơ sở chấp nhận yêu cầu Công ty Vphải thanh toán số tiền lãi do chậm thanh toán cho Công ty T từ ngày 27/12/2020 tạm tính đến ngày 01/8/2023, tổng số tiền là 560.465.033 đồng.

Từ những phân tích trên, căn cứ các Điều 51, 306 Luật thương mại, Điều 357, 468 BLDS Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T. Buộc Công ty Vphải thanh toán số tổng số tiền nợ gốc và lãi chậm thanh toán tính đến ngày 01/8/2023 là 2.082.346.895 đồng (trong đó nợ gốc là: 1.521.881.862 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 27/12/2020 đến ngày 01/8/2023 tạm tính là: 560.465.033 đồng) Công ty Vtiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 02/8/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên chấp nhận.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 73.646.937đồng (Bảy *mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm ba mươi bảy đồng*); Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại đã nộp là 46.122.000đồng (*Bốn mươi sáu triệu một trăm hai mươi hai ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0006904 ngày 21/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 50, 306 Luật Thương Mại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Kỹ nghệ T đối với Công ty Cổ phần Tổng Công ty V(Tên cũ: Công ty cổ phần V) về việc "*Tranh chấp hợp đồng lắp đặt thang máy*"

*** Xử:**

Buộc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Vphải trả cho Công ty TNHH Kỹ nghệ T số tiền 2.082.346.895 đồng (*Hai tỉ không trăm tám mươi hai triệu ba trăm bốn mươi sáu ngàn tám trăm chín mươi lăm đồng)* (Trong đó nợ gốc là: 1.521.881.862 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 27/12/2020 đến ngày 01/8/2023 tạm tính là: 560.465.033 đồng).

Công ty Cổ phần Tổng Công ty Vtiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 02/8/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Công ty Cổ phần Tổng Công ty Vphải chịu 73.646.937đồng (Bảy *mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm ba mươi bảy đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH Kỹ nghệ T số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại đã nộp là 46.122.000đồng (*Bốn mươi sáu triệu một trăm hai mươi hai ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0006904 ngày 21/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự*
- *Viện kiểm sát ND quận Hải Châu;*
- *Chi cục THA DS quận Hải Châu;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Cúc